

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 4 năm 2018

V/v: Tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Luân

2. Ông Bùi Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/11/2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị L, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn TL, xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Đặng Văn Đ - Trợ giúp viên pháp lý

Địa chỉ: Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số X, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Thanh T, sinh năm 1977

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ X, phố Y, thị trấn LC, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 16/11/2017, được bổ sung trong bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lò Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L và anh Phan Thanh T kết hôn trên cơ sở tự

nguyên, đăng ký kết hôn ngày 30/9/2004 tại UBND xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến tháng 01/2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống này sinh nhiều điểm bất đồng nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm danh dự nhân phẩm của nhau. Do đó, từ tháng 12/2014, chị mang con về xã TP, huyện LC và nhập khẩu vào hộ gia đình bố mẹ đẻ của chị, kể từ đó chị và anh T ly thân. Trong thời gian vợ chồng ly thân, chị vẫn đưa con về cho cháu thăm bố và bà nội, nhưng đến ngày 01/01/2015 anh T bỏ nhà và đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ. Ngày 26/4/2017, chị làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố anh T mất tích, ngày 11/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh đã ban hành Quyết định số 02/2017/QĐ DS-ST tuyên bố một người mất tích đối với anh Phan Thanh T, kể từ đó đến nay anh T không trở về và chị cũng không có tin tức gì về anh T. Nay chị xác định, anh T đã mất tích, mục đích hôn nhân giữa chị và anh T không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con: Chị Lò Thị L và anh T có 01 con chung là cháu Phan Thanh L, sinh ngày 17/5/2004. Kể từ khi chị L và anh T ly thân, cháu L ở với chị L, trong thời gian đó cháu vẫn được chăm sóc tốt về mọi mặt, cháu L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Lò Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Phan Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của BLTTDS;

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Phan Thanh T đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án nhưng anh T không đến; Tòa án đã triệu tập anh T tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Lò Thị L và bản sao Giấy

chứng nhận kết hôn số 515, Quyền số 03 ngày 30/9/2004 do UBND xã TP, huyện LC, tỉnh Thanh Hóa cấp cho anh T và chị L, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phan Thanh T và chị Lò Thị L là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy: Anh T đã biệt tích từ tháng 01/2015, mặc dù chị L đã áp dụng đầy đủ các biện pháp tìm kiếm theo quy định của pháp luật nhưng không có kết quả. Ngày 11/10/2017, Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh đã ban hành quyết định tuyên bố anh Phan Thanh T mất tích. Kể từ ngày bị Tòa án tuyên bố mất tích đến nay, anh T không trở về hoặc có tin tức xác thực về việc anh T còn sống hay đã chết. Vì vậy, mục đích hôn nhân giữa chị L và anh T không đạt được. Nay chị L có yêu cầu được ly hôn anh T, yêu cầu của chị L phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận, xử cho chị L được ly hôn anh T.

[5] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Lò Thị L và bản sao Giấy khai sinh của cháu L đủ cơ sở xác định: Cháu Phan Thanh L, sinh ngày 17/5/2004 là con chung của chị L và anh T. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị L, thấy: Từ khi anh T biệt tích (ngày 01/01/2015) đến nay, chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L. Mặt khác, anh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và hiện nay cũng không có tin tức gì. Trong văn bản trình bày ý kiến ngày 16/11/2017, cháu Phan Thanh L có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi cho cháu L nên chấp nhận đề nghị của chị L và cháu L, giao cháu L cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản: Chị Lò Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng xét chị L là người dân tộc thiểu số (*Dân tộc Thái*), đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, chị L có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị L có đủ điều kiện được xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 2 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị L được ly hôn anh Phan Thanh T.

Về con: Giao cháu Phan Thanh L, sinh ngày 17/5/2004 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn cho chị Lò Thị L.

Chị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã TP, huyện LC,
tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám